

Số: 12/2020/QĐST-DS

Bắc Giang, ngày 06 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHÂN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 25/2020/TLST- DS ngày 16 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức A - Chủ tịch hội đồng thành viên
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lương Văn H - Giám đốc ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố B, Bắc Giang II.

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Bình D - Giám đốc ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố B, Bắc Giang II - Phòng Giao dịch số 102.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Tân D (nay là thị trấn Tân A), huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1949; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Tân D (nay là thị trấn Tân A), huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Bà Hà Thị N, sinh năm 1948; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Tân D (nay là thị trấn Tân A), huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn N (nay là thị trấn Nham B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Ngụy Thị L, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Tân D (nay là thị trấn Tân A), huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Cháu Nguyễn Văn D, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Tân Dân (nay là thị trấn Tân An), huyện Yên Dững, tỉnh Bắc Giang.

-Cháu Nguyễn Văn Đại, sinh năm 2004; địa chỉ: Tổ dân phố Hương, thị trấn Tân D (nay là thị trấn Tân A), huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện hợp pháp của cháu Đại: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Tân D (nay là thị trấn Tân A), huyện Y, tỉnh Bắc Giang (bố đẻ của cháu Đ).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Nguyễn Văn D phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền nợ theo theo Hợp đồng tín dụng số 2512LAV201800206 ngày 29/01/2018, tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/9/2020 là **370.610.958** đồng (trong đó: Nợ gốc là **300.000.000** đồng. Nợ lãi là 70.610.958 đồng), theo các kỳ cụ thể như sau:

+ Ngày 25/01/2021 dương lịch, anh D trả Ngân hàng 60.000.000 đồng tiền gốc.

+ Ngày 25/4/2021 dương lịch, anh D trả Ngân hàng 60.000.000 đồng tiền gốc.

+ Ngày 25/7/2021 dương lịch, anh D trả Ngân hàng 60.000.000 đồng tiền gốc.

+ Ngày 25/10/2021 dương lịch, anh D trả Ngân hàng 60.000.000 đồng tiền gốc.

+Ngày 25/01/2022 dương lịch, anh D trả Ngân hàng 60.000.000 đồng tiền gốc và 70.610.958 đồng tiền lãi và toàn bộ lãi phát sinh từ sau ngày 28/9/2020 theo hợp đồng tín dụng số 2512LAV201800206 ngày 29/01/2018.

2.2. Trường hợp anh D vi phạm bất cứ kỳ thanh toán nào, Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất có diện tích 462 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Q 436580, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 01323 QSDĐ/320

QĐ/UB-H do UBND huyện Y cấp ngày 17/10/1999 mang tên hộ ông Nguyễn Văn P và tài sản gắn liền với đất tại thôn H, xã Tân A (nay là tổ dân phố H, thị trấn Tân A), huyện Y, tỉnh Bắc Giang theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 30.2018/HĐTC ngày 26/01/2018.

2.3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn D chịu 4.632.636 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chịu 4.632.636 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (do ông Nguyễn Bình D nộp) là 8.690.486 đồng theo biên lai số AA/2018/0004202 ngày 30/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y; hoàn trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam 4.057.850 đồng tiền tạm ứng án phí.

2.4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 29/8/2020 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2512LAV201800206 ngày 29/01/2018. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS huyện Y;
- VKS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Anh

